

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80 /2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 28 – 9 – 2022
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt

Ông Nguyễn Ánh Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 460/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/07/2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/09/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Bích L** - sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Q** - sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, ông Q đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/07/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Bích L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Q tự nguyện yêu thương nhau khoảng 07 tháng, kết hôn có đăng ký tại UBND xã T, huyện V, thành phố C, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/9/2003. Đây là hôn nhân lần đầu của bà.

Sau khi kết hôn bà và ông Q sống chung tại địa chỉ tổ 8, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính tình không hợp, bất đồng

quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Bà và ông Q thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng không thể dung hòa được. Nguyên nhân chủ yếu là mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, ngoài ra ông Q có tính hay ghen tuông vô cớ, thậm chí cấm bà giao lưu với tất cả bạn bè, không cho bà tự do. Bà đã cố gắng nhẫn nhịn vì nghĩ cho con cái còn nhỏ, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện nhằm khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Từ tháng 5/2022, vợ chồng sống ly thân, bà L về nhà cha mẹ ruột ở huyện L sinh sống, còn ông Q vẫn sống tại nhà của hai vợ chồng. Từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm cuộc sống của nhau, phần ai nấy sống, độc lập về mọi mặt. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên và bạn bè hòa giải để đoàn tụ nhiều lần nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Q.

Về con chung: Vợ chồng ông bà chung sống có 03 (ba) con chung là Nguyễn Quang D, sinh ngày 16/8/2004; Nguyễn Quang M, sinh ngày 22/12/2006 và Nguyễn Trần Hân Z, sinh ngày 26/8/2009. Khi ly hôn bà đồng ý giao 03 con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà L tự nguyện yêu thương nhau khoảng 01 năm và vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ vào ngày 23/9/2003.

Sau khi kết hôn ông và bà L sống chung tại địa chỉ tổ 8, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Ông và bà L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, thậm chí xúc phạm danh dự nhau. Đặc biệt vợ chồng có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc. Ngoài ra ông nhận thấy bà L có biểu hiện không chung thủy, thường xuyên đi chơi về nhà lạnh nhạt với chồng con, không quan tâm đến cuộc sống ở gia đình, con cái. Vì con cái vợ chồng ông đã nhiều lần nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn xảy ra nhưng không được. Vợ chồng ông đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2022, bà L bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở huyện L sinh sống, còn ông vẫn sống tại nhà của hai vợ chồng cùng với các con, vợ chồng không quan tâm cuộc sống của nhau. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay ông là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn bà L yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông bà chung sống có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 16/8/2004; Nguyễn Quang M, sinh ngày 22/12/2006 và Nguyễn Trần Hân Z, sinh ngày 26/8/2009. Khi ly hôn ông yêu

cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích L được ly hôn với ông Nguyễn Q; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 16/8/2004; Nguyễn Quang M, sinh ngày 22/12/2006 và Nguyễn Trần Hân Z, sinh ngày 26/8/2009 cho ông Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà Trần Thị Bích L không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn ông Nguyễn Q hiện đang cư trú tại khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Bích L và ông Nguyễn Q tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được UBND xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/9/2003. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của bà L và ông Q là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Q, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của các đương sự tại Tòa án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng bà L và ông Q đã để xảy ra mâu thuẫn vào khoảng năm 2009. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, thiếu sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi về vấn đề tài chính gia đình. Do mâu thuẫn càng tăng nên từ tháng 5/2022 cho đến nay bà L về nhà cha mẹ ruột sống. Thời gian vợ chồng sống ly thân cũng nhiều lần nói chuyện nhưng không khắc phục được mâu thuẫn xảy ra. Trình bày các đương sự phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của ông Q, bà L đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ để chung sống, tại tòa án ông Q thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà L, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng bà L, ông Q chung sống có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 16/8/2004; Nguyễn Quang M, sinh ngày 22/12/2006 và Nguyễn Trần Hân Z, sinh ngày 26/8/2009, hiện đang do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà L đồng ý giao con cho ông Q nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống của con, bà không cấp dưỡng nuôi con nhưng sẽ thăm nom con.

Xét việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, nhận thấy: Thời gian vợ chồng ông Q và bà L xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, ông Q là người trực tiếp nuôi dưỡng các con. Hiện các cháu chưa tròn 18 tuổi và đều có nguyện vọng sống cùng với ba. Ông Q làm nghề thợ hồ có thu nhập và nơi ở ổn định, cháu D, cháu M hiện nay đã nghỉ học sớm và đi làm, nên ông Q có đủ điều kiện để chăm lo cho các con. Ý kiến của bà L, ông Q đều thống nhất đề nghị Tòa án giao 03 con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Q không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên tạm thời bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, 53, 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích L về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Bích L được ly hôn với ông Nguyễn Q.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 16/8/2004; Nguyễn Quang M, sinh ngày 22/12/2006 và Nguyễn Trần Hân Z, sinh ngày 26/8/2009 cho ông Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà L do ông Q không yêu cầu.

Bà Trần Thị Bích L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Bà Trần Thị Bích L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0008834 ngày 11/07/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi

hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bà Trần Thị Bích L và ông Nguyễn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã T, H. V, TP. Cần Thơ (số ĐKKH 80 ngày 23/09/2003);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Kiều Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

